

Bản án số: 328/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-4-2018
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Loan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Đang
2. Bà Nguyễn Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1056/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1965 (Đương sự vắng mặt);
Hộ khẩu thường trú: 154/41/2 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;
Hiện cư trú tại: 102/41/19 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1971 (Đương sự vắng mặt);
Địa chỉ: 154/41/2 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2017 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Bà L và ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2000 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã khoảng 10 (mười) năm nay do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, lối sống của bên không thể hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột với nhau. Mặc dù Bà L đã nhiều lần cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2016 cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Hồng L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Phúc Liên H, sinh ngày 16/8/2000, hiện trẻ Hương đang sống cùng Bà L. Ngoài ra, vợ chồng không có con chung nào khác. Bà Nguyễn Thị Hồng L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L khai vào năm 1993 Bà L có ký văn tự mua bán căn nhà và đất tại địa chỉ: 154/41/2 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Bà L tiến hành xây dựng lại căn nhà nêu trên và đã được Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số 02341/2003 ngày 25/9/2003 cho bà Nguyễn Thị Hồng L. Ngày 03/11/2017 tại Văn phòng Công chứng Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh Bà L và ông Nguyễn Văn N tiến hành lập văn bản thỏa thuận tài sản riêng của vợ chồng, theo đó hai bên thỏa thuận: Tài sản là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 34, P3-Q8, địa chỉ: 154/41/2 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Hồng L và nhìn nhận việc tạo lập, nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới, hoàn công, cấp đổi/ cấp mới giấy chứng nhận đối với tài sản nêu trên là hoàn toàn bằng công sức và tiền riêng của bà Nguyễn Thị Hồng L; ông Nguyễn Văn N không có bất cứ sự đóng góp nào đối với việc bà Nguyễn Thị Hồng L tạo lập tài sản nêu trên. Bà L được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt đối với tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật, ông N xác nhận không có bất kỳ tranh chấp, khiếu nại gì về sau. Vì vậy, Bà L xác định tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng L xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình số: 52/2014/QH13 tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự số: 92/2015/QH13 vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ông Nguyễn Văn N đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đồng thời, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 2 Điều

227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự số: 92/2015/QH13, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với Bà L và ông N.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng L thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn ông Nguyễn Văn N cư trú Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự số: 92/2015/QH13.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình số: 52/2014/QH13.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã khoảng 10 (mười) năm nay do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, lối sống của bên không thể hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột với nhau. Mặc dù Bà L đã nhiều lần cố gắng hàn gắn, hòa giải đoàn tụ nhưng không thành nên đã ly thân từ tháng 5/2016 cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Bà L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Văn N để lấy lời khai và tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông N vắng mặt và ông cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện ông N không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng trong một thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình số: 52/2014/QH13 yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

Về nuôi con chung: Bà L tự khai trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Phúc Liên H, sinh ngày 16/8/2000, hiện trẻ Hương đang sống cùng Bà L. Ngoài ra, vợ chồng không có con chung nào khác. Xét nguyện vọng của trẻ Nguyễn Phúc Liên H tại bản tự khai đề ngày 09/02/2018 trình bày “nếu ba mẹ ly hôn con có nguyện vọng sống với mẹ”. Nay Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, việc giao con chung cho Bà L tiếp tục nuôi con, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông N cho đến khi Bà L có yêu cầu là phù hợp. Ông Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền ngăn cản quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình số: 52/2014/QH13.

Về tài sản chung: Xét thấy, căn cứ vào văn tự mua bán ngày 02/4/1993; Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 688/GP-CS ngày 27/5/1993; Tờ khai chuyển dịch tài sản nộp thuế trước bạ ngày 01/6/1993; Bản vẽ hiện trạng ngày 30/9/1993; Giấy phép sửa chữa số 646/GPSC ngày 16/10/1993; Tờ đăng ký nhà – đất ngày 09/8/1999; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 02341/2003 ngày 25/9/2003; Tờ thỏa thuận tài sản riêng của vợ chồng ngày 03/11/2017 thì căn nhà tại địa chỉ số: 154/41/2 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản do bà Nguyễn Thị Hồng L tạo lập và đã được Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số 02341/2003 ngày 25/9/2003. Đồng thời, ngày 03/11/2017 Bà L và ông Nguyễn Văn N đã tiến hành lập văn bản thỏa thuận tài

sản riêng của vợ chồng, với nội dung: Tài sản là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 34, P3-Q8, địa chỉ: 154/41/2 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Hồng L và nhìn nhận việc tạo lập, nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới, hoàn công, cấp đổi/ cấp mới giấy chứng nhận đối với tài sản nêu trên là hoàn toàn bằng công sức và tiền riêng của bà Nguyễn Thị Hồng L; ông Nguyễn Văn N không có bất cứ sự đóng góp nào đối với việc bà Nguyễn Thị Hồng L tạo lập tài sản nêu trên. Bà L được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt đối với tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật, ông N xác nhận không có bất kỳ tranh chấp, khiếu nại gì về sau. Nội dung thỏa thuận trên đã được Văn phòng Công chứng Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng số: 018736 ngày 03/11/2017. Đồng thời, trong quá trình giải quyết tại Tòa Bà L xác định tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông Nguyễn Văn N có yêu cầu tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng thì giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình số: 52/2014/QH13;

- Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số: 92/2015/QH13;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn N.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng L đối với ông Nguyễn Văn N (theo giấy chứng nhận kết hôn số 79/KH ngày 16/5/2000 của Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phúc Liên H, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2000 cho bà Nguyễn Thị Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với ông Nguyễn Văn N cho đến khi Bà L có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0013528 ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chi thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường 3, Q8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyết Loan